

Số: /GCN-SXD

Lào Cai, ngày tháng 11 năm 2025

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
(BỔ SUNG)**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai,

Xét hồ sơ đăng ký bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 29/10/2025 của Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng tỉnh Lào Cai và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 31/10/2025.

CHỨNG NHẬN:

1. Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng tỉnh Lào Cai.

Quyết định số 771/QĐ-UBND ngày 07/12/2005 của UBND tỉnh Lào Cai về việc thành lập Trung tâm Kiểm định xây dựng Lào Cai; Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 01/7/2005 của UBND tỉnh Lào Cai Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng, trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Km3, đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai.

Điện thoại/Fax: 0214.3827760 E-mail: Kiemdinhlaocai@gmail.com

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Km3, đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 418

3. Giấy chứng nhận này bổ sung cho Giấy chứng nhận số 138/GCN-BXD

ngày 15/7/2021, số 361/GCN-BXD ngày 29/11/2022 của Bộ Xây dựng về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng cho Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng tỉnh Lào Cai và có hiệu lực đến hết ngày 15/7/2026./.

Nơi nhận:

- Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng tỉnh Lào Cai;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Trung tâm phục vụ HCC;
- Lãnh đạo Sở Xây dựng;
- Văn phòng Sở (đăng website);
- Lưu: VT, QLHĐXD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Tiến Nam

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ BỔ SUNG CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 418

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 11 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
I	Cốt liệu, xi măng, nước	
	Hàm lượng sét cục và hạt mềm yếu có trong cốt liệu	TCVN 14135-3:2025
	Hàm lượng vật liệu nhỏ hơn 0,075mm bằng phương pháp rửa	TCVN 14135-4:2024; TCVN 11969:2018; JIS A1103
	Thành phần hạt cốt liệu bằng phương pháp khô	TCVN 14135-5:2024
	Hàm lượng sulfat và sulfit (quy về SO ₃) hòa tan trong axit của cốt liệu	TCVN 11969:2018
	Hàm lượng vật liệu tạp lai và vật liệu nhẹ của cốt liệu	TCVN 11969:2018
	Nhiệt thủy hóa xi măng	TCVN 6070:2005
	Độ giãn nở xi măng, vữa	AASHTO T160
	Độ kiềm của nước	TCVN 6636-1,2:2000
	Độ axit và độ kiềm của nước	ASTM D1067
II	Kim loại, mối hàn	
	Thử thanh cốt thép có đầu neo	TCVN 13684-2:2023
	Thử mối nối thép cốt bê tông bằng ống ren	TCVN 13711-2:2023
	Thử độ dai va đập	TCVN 312-1:2007
III	Đất, đá, ngói lợp	
	Đất dùng trong xây dựng đường bộ: Thành phần hạt; giới hạn chảy, giới hạn dẻo, chỉ số dẻo; hệ số đương lượng cát	TCVN 14134-3,4,5:2024
	Đá nhân tạo: Khối lượng thể tích và độ hút nước; độ bền uốn (uốn gãy); độ mài mòn; độ bền đóng băng và tan băng; độ bền sốc nhiệt; độ bền lỗ chốt; độ bền va đập; độ bền hóa học; hệ số giãn nở nhiệt dài; độ ổn định kích thước; độ cách điện; cường độ chịu nén; kích thước, đặc điểm hình học và chất lượng bề mặt	TCVN 13943-1,2,4,5,6,8,9,10,11,12,13,15,16:2024; BS EN 14617-1,2,4,5,6,8,9,10,11,12,13,15,16
	Tấm đá tự nhiên, viên đá tự nhiên lát ngoài trời; viên đá tự nhiên bó vỉa ngoài trời: Kích thước, ngoại quan; độ bền chống đóng băng, tan băng; độ bền uốn; độ mài mòn; độ chống trơn và chống trượt; độ hút nước; khối lượng thể tích và độ hở; mô tả thạch học; cường độ nén	EN 13373; EN 12371; EN 12372; EN 14157; EN 14231; EN 13755; EN 1936; EN 12407; EN 1926
	Chất khô và hàm lượng nước theo khối lượng của đất	TCVN 6648:2000
	Độ thấm của đất bão hòa	JIS A1218
	Kiểm tra độ chặt nền đắp bằng phương pháp túi nước	ASTM D5030; ASTM D4914
	Ngói bê tông: Chiều dài treo và độ vuông góc của ngói có cạnh trước đồng đều; chiều rộng làm việc; độ phẳng mặt; khối lượng; độ bền cơ học; độ thấm nước; khả năng chống đỡ của vấu; độ bền băng giá	TCVN 1453:2023
IV	Nhựa đường, nhũ tương	
	Ảnh hưởng của nhiệt và không khí bằng phương pháp sấy màng mỏng xoay	TCVN 11710:2017
	Nhựa đường cải thiện polyme: Tồn thất khối lượng TFOT; độ dai	TCVN 11711:2017; ASTM D5801
	Nhũ tương nhựa đường axit thấm bảm: Thời gian thấm vào	TCVN 14270:2024

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	vật liệu tiêu chuẩn; chiều sâu thắm vào vật liệu tiêu chuẩn	
	Hàm lượng chất bảo hòa của chất tái chế	ASTM D2007
V	Bê tông nhựa	
	Bê tông nhựa chặt tái chế nóng: Độ ẩm RAP; hàm lượng nhựa đường cũ có trong RAP; thu hồi nhựa đường từ dung dịch thu được sau khi thử nghiệm chiết tách, tách nhựa ra khỏi RAP; chỉ số kháng nứt	AASHTO T329; AASHTO T308; AASHTO R59; ASTM D8225
	Bê tông nhựa nguội: Mức độ đông đặc của nhựa đường lỏng; độ ổn định còn lại	TCVN 14383-1:2025
	Chỉ số đánh giá khả năng kháng lún vệt bánh xe	TCVN 13899:2023
	Độ chặt của mẫu thử bằng thiết bị đầm xoay superpave	TCVN 12817:2019
VI	Sơn, vật liệu phản quang	
	Hàm lượng kim loại “hòa tan”: Hàm lượng chì, animon, barium, cadmium, crom, chromium, thủy ngân	TCVN 13950-1,2,3,4,5,6,7:2024
	Hàm lượng formaldehyt phát tán từ màng	TCVN 13977:2024
	Độ dày màng	TCVN 9760:2013
	Ảnh hưởng của nhiệt	TCVN 9762:2020
	Độ mài mòn	TCVN 12988-1,2,3:2020
	Phương pháp xác định độ bền mòn theo chu kỳ	TCVN 12703-1,2:2019
	Phép thử uốn - T	TCVN 11606:2016
	Hàm lượng bột màu	TCVN 11607:2016
	Phép thử độ sâu ấn lõm	TCVN 10671:2015
	Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô	TCVN 9406:2012
	Màng biển báo phản quang: Màu sắc, độ bền màu	TCVN 7887:2018
	Bi thủy tinh dùng cho vật liệu phản quang: Chỉ số khúc xạ	TCVN 9880:2013
	Định phản quang: Cường độ sáng	TCVN 12584:2019

Ghi chú (*): Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.